

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 396 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 67/2021/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Dân sự:

Bà Phạm Huỳnh Trang Đ, sinh năm 1992

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, TP. Hồ Chí Minh.

Và ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1987

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, TP. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại đơn xin thuận tình ly hôn và các bản tự khai, hai đương sự trình bày: Ông, bà chung sống vào năm 2013, có đăng ký kết hôn năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân của ông, bà tuân thủ đúng các điều kiện và thủ tục kết hôn theo luật định nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Ông bà cố gắng hòa giải với nhau nhưng không thành. Do đó, cả hai yêu cầu Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

Toà án đã mở phiên hoà giải đoàn tụ, nhưng không thành vì cả hai đương sự đều giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Vì vậy, yêu cầu thuận tình ly hôn của hai đương sự là có căn cứ, tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: có 01, tên là Nguyễn Phạm Minh T, sinh ngày 09/4/2015, giao cho bà Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên. Ông N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng. Bắt đầu thi hành việc cấp dưỡng từ tháng 3/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: hai đương sự xác định không có.

[4] Về lệ phí tòa án: bà Đ đài nhận nộp.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Phạm Huỳnh Trang Đ và ông Nguyễn Trung N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 04, Quyền số 01/2014, do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 09/01/2014).

- Về quan hệ con chung: có 01, tên là Nguyễn Phạm Minh T, sinh ngày 09/4/2015, giao cho bà Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên. Ông N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 (Hai triệu) đồng/ tháng. Bắt đầu thi hành việc cấp dưỡng từ tháng 3/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền do hai bên thỏa thuận là 9%/năm.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, nhưng ông không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có.

- Về lệ phí: Bà Phạm Huỳnh Trang Đ tự nguyện nhận nộp lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Số tiền lệ phí của bà Đ được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0036208 ngày 28/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Huỳnh Tấn Phát